



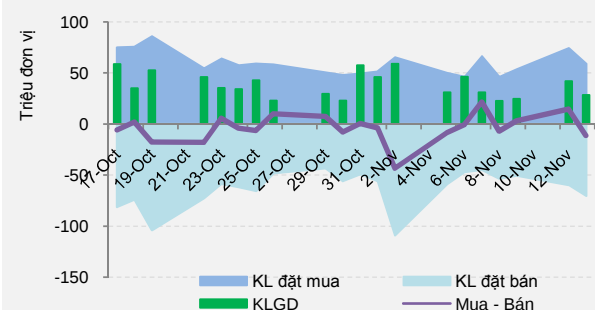
BAN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 13/11/2012

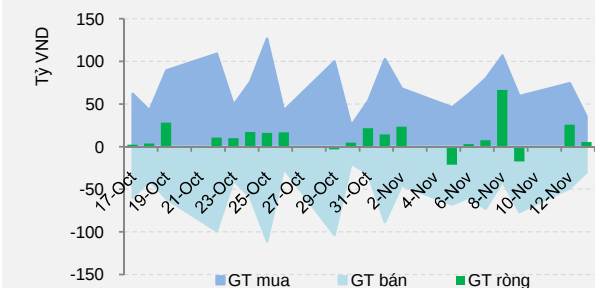
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	385.2	52.4
% Thay đổi	↓ -0.9%	↓ -0.2%
KLGD (CP)	28,501,600	36,657,884
GTGD (tỷ đồng)	321.97	214.62
Tổng cung (CP)	70,172,950	63,189,700
Tổng cầu (CP)	58,837,570	49,565,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,453,990	36,500
KL mua (CP)	1,694,860	640,700
GTmua (tỷ đồng)	35.34	7.38
GT bán (tỷ đồng)	30.09	0.40
GT ròng (tỷ đồng)	5.24	6.98

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.29%	8.2	1.3	2.1%
Công nghiệp	↑ 0.26%	11.5	0.7	18.6%
Dầu khí	↓ -1.66%	4.2	0.9	1.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.84%	9.3	1.1	0.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.90%	6.4	1.9	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.58%	13.1	3.9	9.8%
Ngân hàng	↓ -1.15%	4.9	1.3	16.3%
Nguyên vật liệu	↓ -0.51%	5.8	2.0	11.4%
Tài chính	↓ -0.83%	26.1	3.0	34.7%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.04%	11.9	2.5	4.6%
VN - Index	↓ -0.87%	10.4	2.6	60.9%
HNX - Index	↓ -0.25%	11.0	1.4	39.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	286,400	1.0%	187,990	0.7%
GTGD (tỷ VND)	3,044	0.9%	2,565	0.8%

ĐIỀU CHỈNH TẠI NGƯỠNG KHÁNG CỰ - THỐNG ĐỐC NHNN GIẢI TRÌNH TRƯỚC QUỐC HỘI - CHƯA CÓ THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ GIẢI PHÁP MUA BÁN NỢ

Thị trường dự báo tiếp tục giảm điểm trong phiên ngày mai. Mốc hỗ trợ của thị trường là đường trendline giảm giá trung hạn.

Diễn biến thị trường:

- Thị trường điều chỉnh giảm khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA20.

- Áp lực cung tại nhóm cổ phiếu đầu cơ khá mạnh, cho thấy quan điểm thận trọng của nhà đầu tư.

- Một bộ phận nhỏ cổ phiếu BDS có yếu tố cơ bản tốt duy trì mức tăng nhẹ.

Nhận định:

Thị trường đảo chiều giảm điểm khi tiến gần ngưỡng cản của đường MA 20, kiểm định lại đường trendline giảm giá trung hạn (thiết lập từ tháng 8).

Hai chỉ số Index giảm dần về cuối phiên, tuy nhiên tính chung mức độ giảm không nhiều. Chỉ số VN-Index giảm mạnh hơn HNX-Index do tác động của một số mã cổ phiếu vốn hóa (VCB, VIC, VNM), và cổ phiếu MBB trong phiên hôm nay chốt quyền trả cổ tức.

Trong buổi trả lời chất vấn trước Quốc hội, Thống đốc NHNN đã đề cập đến vấn đề nợ xấu, thị trường vàng, xử lý nợ xấu với khá nhiều số liệu quan trọng có liên quan. Vấn đề xử lý nợ xấu dự kiến được thực hiện theo hướng phối hợp các bộ ban ngành có liên quan. Tuy nhiên, giải pháp quan trọng liên quan đến công ty mua bán nợ chưa được thông tin cụ thể, khi Đề án về thành lập công ty mua bán nợ và xử lý nợ xấu chưa được thông qua.

Xét theo yếu tố kỹ thuật, thị trường đang giảm điểm, kiểm định lại đường trendline giảm giá trung hạn, sau phiên break trước đó. Mức giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu tiêu cực về áp lực cung.

Thị trường dự báo tiếp tục giảm điểm trong phiên ngày mai. Mốc hỗ trợ của thị trường là đường trendline giảm giá trung hạn.

Với diễn biến tích cực của lực cầu trong phiên break ngưỡng kháng cự trước đó, diễn biến tăng điểm kỹ thuật của thị trường dự kiến còn tiếp tục. Ngưỡng cản cần quan tâm của thị trường là khoảng 400 điểm đối với VN-Index; 56 điểm đối với HNX-Index.



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Phục hồi kỹ thuật	Tăng	Tăng
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
378	360	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
400	405	



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Giảm	Giảm	Giảm
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
52	50	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
56	59	

VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index đã điều chỉnh nhẹ với khối lượng giao dịch giảm so với phiên trước, khi tiếp cận mức kháng cự của đường MA20 cũng như mức kháng cự của đường trendline.
- Có thể chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh nhẹ trong phiên mai nhưng nhiều khả năng sau đó sẽ tiếp tục tăng điểm.
- Mức kháng cự cho sóng hồi là khu vực 400-405 điểm.

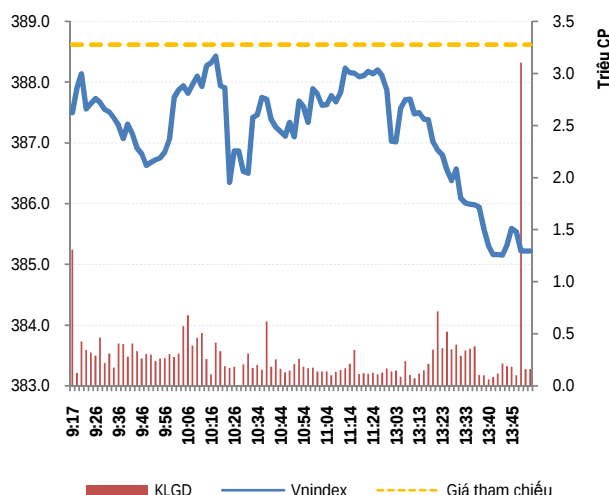
HNX-INDEX

- Sau phiên break tích cực ngày hôm qua thì chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm qua.
- Có thể chỉ số HNX-Index tiếp tục điều chỉnh nhẹ trong phiên mai nhưng nhiều khả năng sau đó sẽ tiếp tục tăng điểm.
- Mức kháng cự của sóng hồi này là khu vực 55-56 điểm.

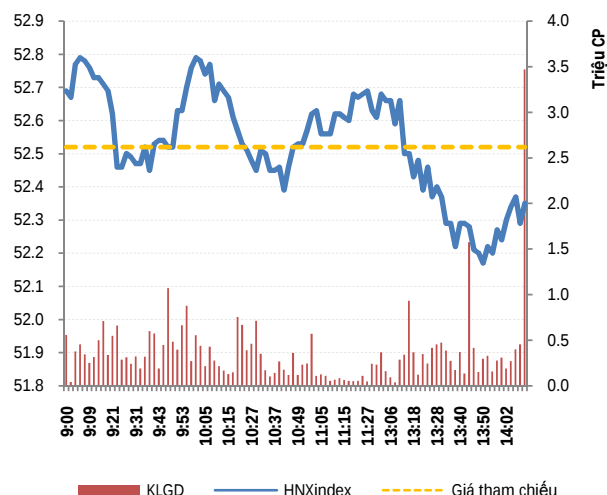


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

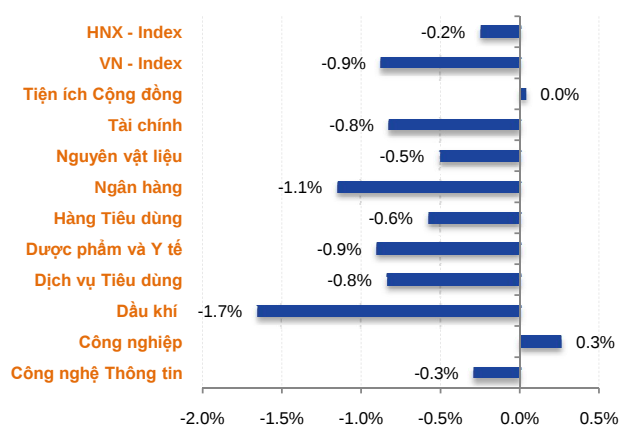
KLGD và VN-Index trong phiên



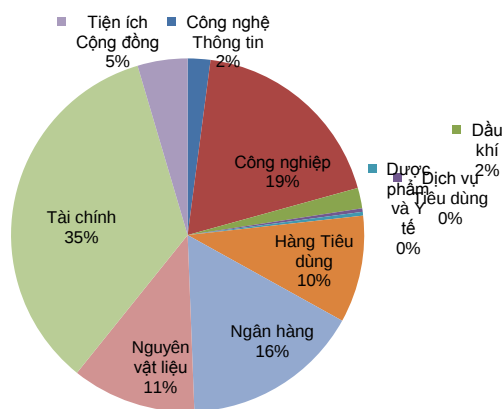
KLGD và HNX-Index trong phiên



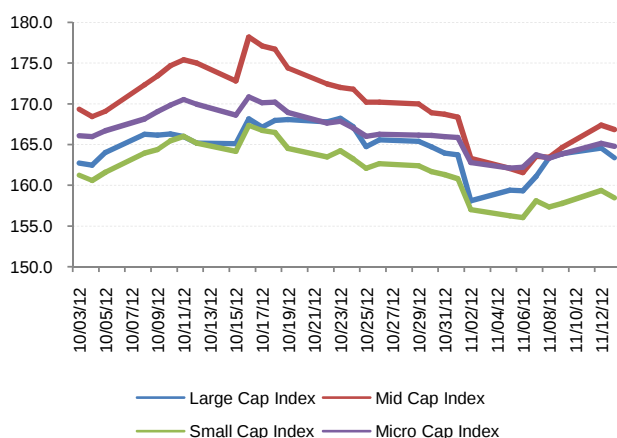
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



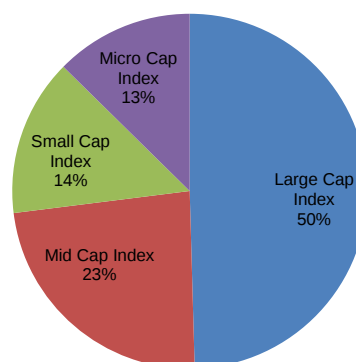
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	380,000	STB	294,570
2	GAS	125,250	BVH	204,500
3	HSG	115,840	PVD	88,390
4	KDC	109,800	SJD	73,730
5	PGD	99,120	EIB	60,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	300,000	BVS	10,000
2	DBC	77,000	PVI	4,800
3	PVS	58,200	SHB	2,700
4	LAS	50,000	HEV	100
5	SCR	28,200	AAA	0

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LCG	6.5	6.6	↑ 1.54%	1,913,370
ITA	4.1	4.0	↓ -2.44%	1,739,630
MBB	12.6	12.6	↓ 0.00%	1,422,330
BGM	4.4	4.3	↓ -2.27%	1,373,650
SAM	6.4	6.3	↓ -1.56%	1,319,570

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	5.2	5.3	↑ 1.92%	8,141,859
SCR	4.3	4.4	↑ 2.33%	7,454,500
VND	8.4	8.2	↓ -2.38%	2,564,700
PVX	4.5	4.3	↓ -4.44%	2,296,922
HBS	6.9	6.9	→ 0.00%	1,607,500

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
AGD	50.0	52.5	2.5	↑ 5.00%
PAC	14.2	14.9	0.7	↑ 4.93%
VFMVF1	8.2	8.6	0.4	↑ 4.88%
DPR	45.5	47.7	2.2	↑ 4.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
SD1	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
MCC	10.3	11.0	0.7	↑ 6.80%
KTS	33.9	36.2	2.3	↑ 6.78%
HDA	7.4	7.9	0.5	↑ 6.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	1.3	1.2	-0.1	↓ -7.69%
SHI	4.0	3.8	-0.2	↓ -5.00%
PDN	22.2	21.1	-1.1	↓ -4.95%
GIL	34.9	33.2	-1.7	↓ -4.87%
KAC	12.3	11.7	-0.6	↓ -4.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GMX	12.9	12.0	-0.9	↓ -6.98%
SAP	13.0	12.1	-0.9	↓ -6.92%
HBD	10.3	9.6	-0.7	↓ -6.80%
SVN	41.4	38.6	-2.8	↓ -6.76%
GBS	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LCG	1,913,370	3.9%	810	8.2	0.3
ITA	1,739,630	1.2%	161	24.8	0.3
MBB	1,422,330	22.7%	3,347	3.8	1.0
BGM	1,373,650	10.7%	1,240	3.5	0.3
SAM	1,319,570	1.6%	288	21.9	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	8,141,859	-16.0%	(2,047)	-	0.6
SCR	7,454,500	4.0%	649	6.8	0.2
VND	2,564,700	-0.2%	(22)	-	0.7
PVX	2,296,922	-8.3%	(981)	-	0.5
HBS	1,607,500	0.1%	8	811.9	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSG	↑ 12.5%	-300.9%	(4,555)	(0.2)	(14.8)
AGD	↑ 5.0%	37.9%	9,879	5.3	1.8
PAC	↑ 4.9%	11.2%	2,286	6.5	0.7
VFMVF1	↑ 4.9%	N/A	N/A	N/A	N/A
DPR	↑ 4.8%	35.8%	16,245	2.9	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THV	↑ 12.5%	-109.7%	(6,555)	-	0.3
SD1	↑ 6.9%	-0.8%	(125)	(24.7)	0.2
MCC	↑ 6.8%	15.4%	1,810	6.1	0.9
KTS	↑ 6.8%	21.8%	6,636	5.5	1.2
HDA	↑ 6.8%	15.3%	1,977	4.0	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	380,000	22.7%	3,347	3.8	1.0
GAS	125,250	26.0%	4,692	8.3	2.9
HSG	115,840	17.0%	3,308	5.4	0.9
KDC	109,800	6.3%	1,714	20.7	1.2
PGD	99,120	20.4%	4,785	6.5	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	300,000	-0.2%	(22)	-	0.7
DBC	77,000	23.2%	6,847	3.1	0.7
PVS	58,200	25.2%	5,003	3.0	0.7
LAS	50,000	37.2%	5,845	4.7	1.6
SCR	28,200	4.0%	649	6.8	0.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	73,905	26.0%	4,692	8.3	2.9
VNM	70,016	38.6%	9,380	13.4	5.0
MSN	66,323	13.4%	3,619	26.7	4.3
VIC	54,636	22.0%	2,769	28.2	5.6
VCB	53,301	11.6%	1,885	12.2	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,159	18.5%	2,603	5.8	1.1
SQC	8,756	12.0%	1,388	57.3	6.5
SHB	4,696	-16.0%	(2,047)	-	0.6
PVS	4,437	25.2%	5,003	3.0	0.7
PVI	3,465	6.7%	1,810	8.5	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	2.38	3.9%	525	17.3	0.7
PTC	2.36	-6.7%	(1,655)	-	0.2
LCM	2.30	33.3%	4,830	3.2	1.2
KSA	2.24	2.6%	345	27.8	0.7
KSS	2.20	-5.0%	(760)	-	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDH	2.35	-10.5%	(1,107)	-	0.3
FLC	2.33	2.5%	477	13.6	0.4
PVL	2.15	-4.9%	(522)	-	0.3
PVA	2.11	2.7%	327	14.1	0.4
HDO	2.10	4.0%	463	13.2	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)